

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**  
**Về thông số kỹ thuật độ sâu khu nước trước cầu cảng SSIC**  
**10.000DWT, Cầu tạm nối dài cầu cảng SSIC và khu vực các bến**  
**phao TB1, TB2, TB3 & TB4.**

**HCM - 19 - 2018.**

Vùng biển: Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Sài Gòn – Vũng Tàu.

Căn cứ đơn đề nghị số 729/SSIC-TBCTKT ngày 29/5/2018 của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Sài Gòn về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải định kỳ về các thông số kỹ thuật khu vực Cầu cảng SSIC 10.000DWT, Cầu tạm nối dài cầu cảng SSIC và khu vực các bến phao TB1, TB2, TB3 & TB4. Kèm theo báo cáo khảo sát số 651/2018/KSDH, bình đồ độ sâu ký hiệu SSIC\_01\_5\_18 đến SSIC\_04\_5\_18 tỷ lệ 1/1000 do Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Công trình Hàng hải Việt Nam, khảo sát hoàn thành tháng 5 năm 2018,

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

Trong phạm vi khảo sát khu nước trước cầu tàu 10.000DWT, Cầu tạm nối dài cầu cảng SSIC và khu vực các bến phao TB1, TB2, TB3 & TB4, độ sâu bằng mét tính đến mực nước số “0 Hải đồ” như sau:

1. Khu vực Cầu cảng SSIC 10.000DWT, Cầu tạm nối dài Cầu cảng SSIC được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000, Kinh tuyến trực 106 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
A	10°44'52,5"N	106°44'24,6"E	10°44'48,8"N	106°44'31,0"E
B	10°44'48,5"N	106°44'25,3"E	10°44'44,9"N	106°44'31,7"E
C	10°44'47,6"N	106°44'25,5"E	10°44'44,0"N	106°44'31,9"E
D	10°44'46,0"N	106°44'25,6"E	10°44'42,3"N	106°44'32,1"E
E	10°44'45,6"N	106°44'25,6"E	10°44'42,0"N	106°44'32,0"E
F	10°44'43,8"N	106°44'30,1"E	10°44'40,2"N	106°44'36,6"E
BT1	10°44'48,2"N	106°44'29,5"E	10°44'44,6"N	106°44'36,0"E
G	10°44'56,9"N	106°44'29,5"E	10°44'53,2"N	106°44'35,9"E



H	10°44'55,3"N	106°44'24,5"E	10°44'51,7"N	106°44'30,9"E
---	--------------	---------------	--------------	---------------

- Xuất hiện một số điểm cạn tại vị trí có tọa độ như sau:

Điểm cạn (m)	Hệ tọa độ VN-2000, Kinh tuyến trục 106 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
2,7	10°44'45,5"N	106°44'26,1"E	10°44'41,9"N	106°44'32,5"E
3,3	10°44'45,7"N	106°44'25,8"E	10°44'42,0"N	106°44'32,2"E
3,4	10°44'45,7"N	106°44'26,1"E	10°44'42,0"N	106°44'32,5"E
3,5	10°44'45,6"N	106°44'26,1"E	10°44'41,9"N	106°44'32,6"E
3,8	10°44'45,5"N	106°44'26,3"E	10°44'41,9"N	106°44'32,8"E
3,9	10°44'45,6"N	106°44'26,3"E	10°44'41,9"N	106°44'32,7"E
3,9	10°44'55,4"N	106°44'24,6"E	10°44'51,7"N	106°44'31,1"E

- Ngoài các điểm cạn nêu trên độ sâu đạt 4,1m trở lên.

2. Khu vực bến phao neo TB1 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000, Kinh tuyến trục 106 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
A1	10°45'33,5"N	106°44'59,9"E	10°45'29,9"N	106°45'06,3"E
B1	10°45'32,8"N	106°45'01,0"E	10°45'29,1"N	106°45'07,4"E
C1	10°45'28,8"N	106°44'58,0"E	10°45'25,1"N	106°45'04,4"E
D1	10°45'29,5"N	106°44'56,9"E	10°45'25,9"N	106°45'03,4"E

- Độ sâu đạt 2,3m trở lên.

3. Khu vực bến phao neo TB2 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000, Kinh tuyến trục 106 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
A2	10°45'26,0"N	106°45'54,4"E	10°45'22,3"N	106°45'00,8"E
B2	10°45'25,1"N	106°45'55,3"E	10°45'21,4"N	106°45'01,7"E
C2	10°45'19,7"N	106°44'50,3"E	10°45'16,1"N	106°44'56,7"E
D2	10°45'20,6"N	106°44'49,3"E	10°45'16,9"N	106°44'55,7"E

- Độ sâu đạt 3,3m trở lên.

4. Khu vực bến phao neo TB3 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000, Kinh tuyến trục 106 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
B3	10°45'17,1"N	106°44'48,2"E	10°45'13,5"N	106°44'54,6"E
A3	10°45'17,9"N	106°44'47,1"E	10°45'14,2"N	106°44'53,5"E
D3	10°45'11,8"N	106°44'42,7"E	10°45'08,1"N	106°44'49,2"E



C3	10°45'11,1"N	106°44'43,8"E	10°45'07,4"N	106°44'50,2"E
----	--------------	---------------	--------------	---------------

- Độ sâu đạt 4,1m trở lên.

5. Khu vực bến phao neo TB4 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000, Kinh tuyến trực 106 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
A4	10°43'56,4"N	106°45'45,4"E	10°43'52,7"N	106°45'51,8"
B4	10°43'55,3"N	106°45'47,0"E	10°43'51,6"N	106°45'53,4"
C4	10°43'47,4"N	106°45'41,7"E	10°43'43,7"N	106°45'48,1"
D4	10°43'48,4"N	106°45'40,0"E	10°43'44,8"N	106°45'46,5"

- Độ sâu đạt 5,7m trở lên./.

**Nơi nhận:**

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website [www.vms-south.vn](http://www.vms-south.vn);
- Phòng KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH<sup>Nhiên</sup>.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Phạm Tuấn Anh**

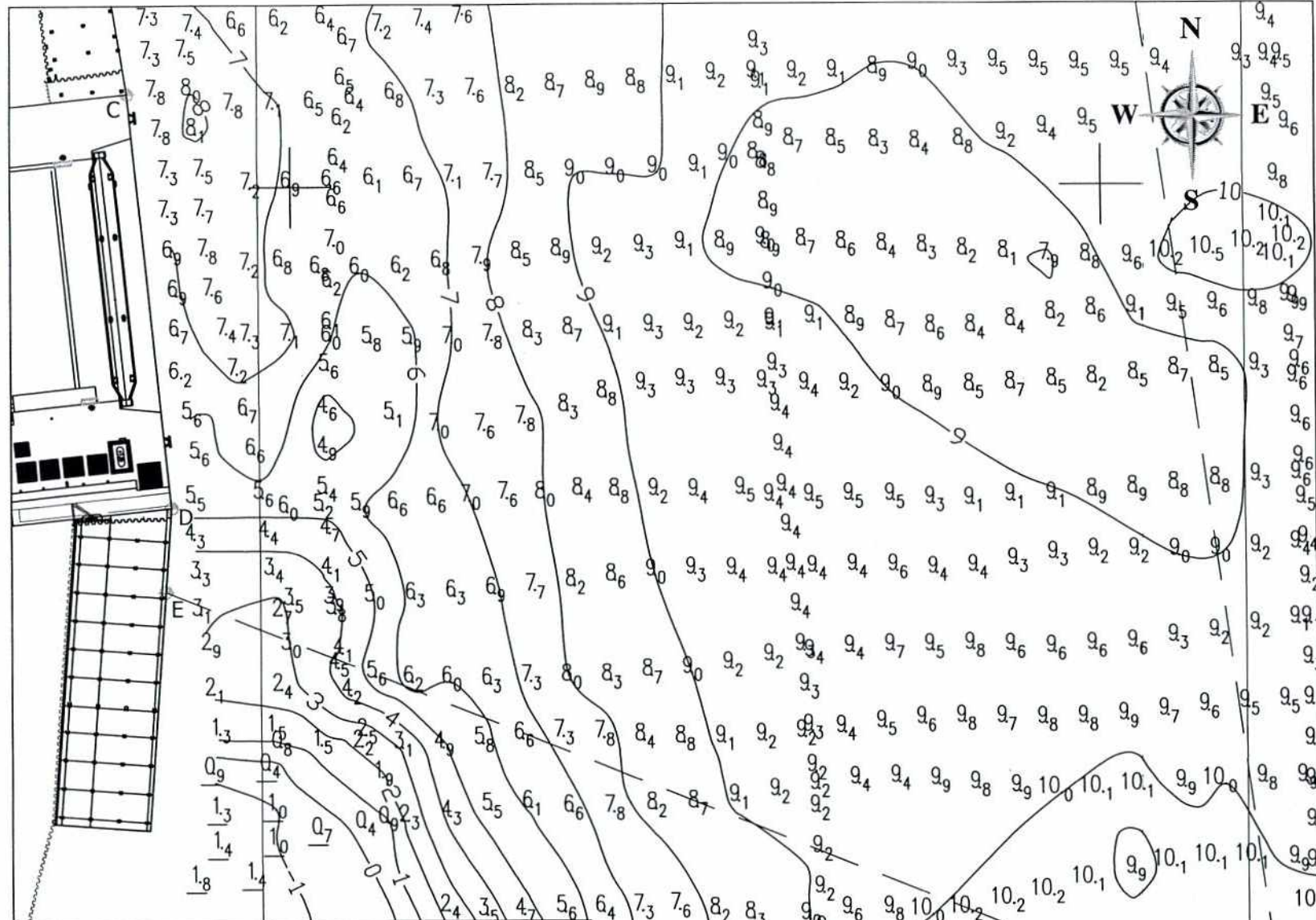
**Danh sách nơi nhận kèm theo**

- |   |   |
|---|---|
| <ol style="list-style-type: none"> <li>1 Bộ Tư lệnh Hải quân</li> <li>2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam</li> <li>3 Chi Cục Đường sông phía Nam</li> <li>4 Cục Cảnh sát biển</li> <li>5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam <ul style="list-style-type: none"> <li>- XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)</li> <li>- Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)</li> <li>- Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)</li> <li>- Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)</li> <li>- Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)</li> <li>- Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam</li> </ul> </li> <li>6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</li> <li>7 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO)</li> <li>- Công ty Vận tải container Vinalines (VCSC)</li> <li>- Cty CP vận tải biển và hợp tác lao động Quốc Tế</li> <li>- Công ty CP Hàng hải Đông Đô</li> <li>- Công ty CP Hàng hải Vinalines Nha Trang</li> </ul> </li> <li>8 Hiệp hội Cảng biển Việt Nam</li> <li>9 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)</li> <li>10 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh</li> </ol> | <ol style="list-style-type: none"> <li>11 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)</li> <li>12 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)</li> <li>13 Cty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam</li> <li>14 Cty Vận tải xăng dầu đường biển</li> <li>15 Cty Vận tải Thủy Bắc</li> <li>16 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I</li> <li>17 Cty Vận tải biển Sài Gòn</li> <li>18 Trường Cao đẳng nghề hàng hải TP.HCM</li> <li>19 Trường Đại học GTVT TP.HCM</li> <li>20 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ</li> <li>21 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam</li> <li>22 Cảng Sài Gòn</li> <li>23 Hoa tiêu khu vực I</li> <li>24 Cảng vụ Hàng hải Tp.HCM</li> <li>25 XN Tàu dịch vụ dầu khí</li> <li>26 XN Trục Vớt Cứu Hộ Vận Tải I</li> <li>27 Sở GTVT và Sở NN&amp;PTNT Tp.Hồ Chí Minh</li> <li>28 Công ty Phương Nam - Bộ Quốc phòng</li> <li>29 Bộ đội biên phòng Thành phố Hồ Chí Minh</li> <li>30 Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Sài Gòn</li> </ol> |
|---|---|



580965.016

581126.355



Sơ đồ điểm cạn khu nước cầu cảng 10.000DWT cầu cảng nổi dài SSIC

Kèm theo thông báo hàng hải số 97/TBHH-TCTĐĐATHHMN

Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hành hải

Trích từ bình đồ ký hiệu SSIC\_01\_5\_2018, Tỷ lệ 1/1000

580965.016

581126.355

